

5. | Choose the correct Letter then write down the correct meaning of each phrase.

① **Example** chī
吃 c eat a meal

chuáng
床
A

bīng
冰
B

⑦ huá
滑

② qǐ
起

fàn
饭
C

jiào
觉
D

⑧ kàn
看

③ shuì
睡

yá
牙
E

shū
书
F

⑨ chàng
唱

④ shuā
刷

tóu
头
G

zì
字
H

⑩ tiào
跳

⑤ shū
梳

xué
学
I

gē
歌
J

⑪ xiě
写

⑥ fàng
放

xié
鞋
K

wǔ
舞
L

⑫ chuān
穿